TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/DS-ST
Ngày: 18-3-2026
V/v Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Luận;

Ông Phan Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26-02-2026 và ngày 18-3-2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp (Trụ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Chanh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ trước đây: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ hiện nay: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Chanh T: Bà Trần Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ trước đây: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ hiện nay: Ấp T, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Chanh T: Luật sư Nguyễn Văn H1 - Trưởng Văn phòng L2.

- *Bị đơn:*

1/ Nguyễn Thị L, sinh năm 1971;

2/ Nguyễn Thị P, sinh năm 1973;

3/ Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ trước đây: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Cùng địa chỉ hiện nay: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H có mặt tại phiên tòa; Luật sư H1 vắng mặt có đơn; Bà L, bà P, bà D vắng mặt lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Chanh T là bà Trần Thị H: Ông T là con ruột của bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Văn K, cha và mẹ ông T có tổng 04 người con gồm: Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị P, Nguyễn Chanh T, Nguyễn Thị Mỹ D (cha và mẹ ông T đều không có con nuôi hoặc con riêng). Sinh thời, cha mẹ ông T có tạo lập được phần tài sản, khi chị em ông T lập gia đình thì cha mẹ đã chia riêng tài sản cho các con. Năm 2011, mẹ ông T chết, không có di chúc cũng không ai tranh chấp đối với phần tài sản hiện tại, ông K là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản này.

Ngày 01-7-2016, tại Văn phòng C đã chứng nhận Di chúc ông K lập để lại tài sản cho ông T thừa hưởng gồm có: Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất tại thửa số 2969, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.284,5m² mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại xã T B, số bìa BY 189458, số vào sổ cấp GCN: CH 01932, do UBND huyện T (C) cấp ngày 25-3-2015; Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất tại thửa số 2442, tờ bản đồ số 04, diện tích 920,0m² mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản, đất tọa lạc tại xã T B, số bìa AL 328959, số vào sổ cấp GCN: H 00936, do UBND huyện T (C) cấp ngày 25-02-2008; Tài sản thứ ba: Quyền sử dụng đất tại thửa số 2058, tờ bản đồ số 04, diện tích 300,0m² mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại xã T B, số bìa T 318006, số vào sổ cấp GCN: 01661 QSDD/1550/2001/QĐUB/H, do UBND huyện T (Cũ) cấp ngày 08-10-2001 và biến động của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 13-6-2016 từ hộ ông Nguyễn Văn K sang ông Nguyễn Văn K. Sau đó ông K bệnh, đã chết vào ngày 11-8-2022.

Thực hiện theo nội dung di chúc ông K để lại, thì ông T đã tiến hành các thủ tục về thừa kế đối với thửa đất số 2442, tờ bản đồ số 04. Đối với thửa đất số 2058, tờ bản đồ số 04 và thửa đất số 2969, tờ bản đồ số 04 thì bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Mỹ D không ký thủ tục cho ông T, dẫn đến hậu quả ông T không thể thực hiện được các thủ tục về thừa kế đối với 02 thửa đất trên.

Nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa theo di chúc hợp pháp cho ông T đối với quyền sử dụng đất tại thửa số 2969, tờ bản đồ số 04, diện tích 723,3m² mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại xã T B, số bìa BY 189458, số vào sổ cấp GCN: CH 01932, do UBND huyện T (Cũ) cấp ngày 25-3-2015 và quyền sử dụng đất tại thửa số 2058, tờ bản đồ số 04, diện tích 238,2m² mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại xã T B, số bìa T

318006, số vào sở cấp GCN: 01661 QSDD/1550/2001/QĐUB/H, do UBND huyện T (Cũ) cấp ngày 08-10-2001 và biến động của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 13-6-2016 từ hộ ông Nguyễn Văn K sang ông Nguyễn Văn K (đã đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính xong và kèm bảng đối chiếu).

Qua đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 1.532,2m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 826,2m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, và diện tích 287,3 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 132,0m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Ông Nguyễn Chanh T yêu cầu bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chia di sản theo di chúc hợp pháp cho ông T đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2969, tờ bản đồ số 04, diện tích 723,3m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại xã T B, số bìa BY 189458, số vào sổ cấp GCN: CH 01932, do UBND huyện T (Cũ) cấp ngày 25-3-2015 và quyền sử dụng đất tại thửa số 2058, tờ bản đồ số 04, diện tích 238,2m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại xã T B, số bìa T 318006, số vào sổ cấp GC: 01661 QSDĐ/1550/2001/QĐUB/H, do UBND huyện T (Cũ) cấp ngày 08-10-2001 nhưng theo diện tích đất đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 1.532,2m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 826,2m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, và diện tích 287,3m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 132,0m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Ông Nguyễn Chanh T yêu cầu bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chia di sản theo di chúc hợp pháp cho ông T theo diện tích đo đạc thực tế tranh chấp tại thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, diện tích 705,9 m^2, (không yêu cầu đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 826,2m^2) và thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, diện tích 155,3m^2 (không yêu cầu đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 132,0m^2), đất tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông T là bà Trần Thị H thay đổi yêu cầu như sau: Yêu cầu Tòa án công nhận Di chúc ngày 01-7-2016 được lập tại Văn phòng C để ông T được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để hưởng các tài sản theo di chúc là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất tại thửa đất số 2058, tờ bản đồ số 04 có diện tích 300 m^2 (theo đo đạc thực tế còn lại là 238,2 m^2). Theo đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 287,3 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 132,0m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã T, huyện T (N là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản

trên đất tại thửa đất số 2969, tờ bản đồ số 04 có diện tích 1.284,5m^2 (theo đo đạc thực tế còn lại là 723,3m^2). Theo đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 1.532,2m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 826,2m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã T, huyện T (N là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Bị đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Mỹ D: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ từ Điều 609, 611, 624, 626, 630, 644 Bộ luật Dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Công nhận Di chúc ngày 01-7-2016 được lập tại Văn phòng C. Ông T được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để hưởng các tài sản theo di chúc là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất tại thửa đất số 2058, tờ bản đồ số 04 có diện tích 300 m^2 (theo đo đạc thực tế còn lại là 238,2 m^2). Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất tại thửa đất số 2969, tờ bản đồ số 04 có diện tích 1.284,5 m^2 (theo đo đạc thực tế còn lại là 723,3m^2) tại xã T, huyện T (N là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Mỹ D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông T là bà Trần Thị H thay đổi yêu cầu như sau: Yêu cầu Tòa án công nhận Di chúc ngày 01-7-2016 được lập tại Văn phòng C để ông T được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để hưởng các tài sản theo di chúc là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất tại thửa đất số 2058, tờ bản đồ số 04 có diện tích 300 m^2 (theo đo đạc thực tế còn lại là 238,2 m^2). Theo đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 287,3 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 132,0m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã T, huyện T (N là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất tại thửa đất số 2969, tờ bản đồ số 04 có diện tích 1.284,5 m^2 (theo đo đạc thực tế còn lại là 723,3m^2). Theo đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 1.532,2 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 826,2 m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã T, huyện T (N là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Các bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 1.532,2 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 826,2 m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, và diện tích 287,3 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 132,0m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Nguồn gốc diện tích 287,3 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 132,0 m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15 là của hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 2058, tờ bản đồ số 04, diện tích 300 m^2 mục đích sử dụng: T, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08-10-2001. Ngày 13-6-2016 người sử dụng đất thay đổi hộ ông Nguyễn Văn K thành ông Nguyễn Văn K. Ngày 04-10-2022 Nhà nước thu hồi 61,8m^2, diện tích còn lại là 238,2 m^2. (Lý do thu hồi: thực hiện công trình xây dựng cầu T, tuyến 843, xã T, xã T).

Nguồn gốc diện tích 1.532,2 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 826,2m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15 là của ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 2969, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.284,5 m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25-3-2015. Ngày 04-10-2022 Nhà nước thu hồi 561,2 m^2, diện tích còn lại là 723,3 m^2. (Lý do thu hồi: thực hiện công trình xây dựng cầu T, tuyến 843, xã T, xã T).

Theo Di chúc được lập tại Văn phòng C ngày 01-7-2016 thể hiện: Sau khi tôi (ông K) qua đời thì các quyền sử dụng đất cho con ruột ông Nguyễn Chanh T được thừa hưởng đối với các quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2442, tờ bản đồ số 04, diện tích 920,0 m^2; Thửa đất số 2058, tờ bản đồ số 04, diện tích 300 m^2 và Thửa đất số 2969, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.284,5 m^2. Việc lập Di chúc được

lập thành văn bản, có công chứng tại Văn phòng C theo số công chứng 465, quyển số 01/2016 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 01-7-2016.

Vào ngày 09-12-2021, ông T có làm thủ tục nhận di sản theo di chúc nhưng không thực hiện được do thửa đất số 2058 và thửa đất số 2969 bị thu hồi một phần diện tích đất để thực hiện công trình xây dựng cầu T B, tuyến 843, xã T, xã T vì chưa giảm diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông K chết thì ông T tiến hành lập thủ tục giảm diện tích xong nhưng không lập thủ tục được vì khi lập thủ tục hưởng di sản của ông K thì tất cả các con ông K phải ký tên vào văn bản, ông T có yêu cầu các anh, em nhưng không ai đến để ký thủ tục cho ông T. Nên ông T yêu cầu Tòa án Công nhận Di chúc của ông K cho ông T để được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký thủ tục sang tên lại cho ông T.

Xét thấy: Di chúc ngày 01-7-2016 được lập tại Văn phòng C theo số công chứng 465, quyển số 01/2016 TP/CC- SCC/HĐGD là hợp pháp theo quy định. Hiện nay ông T yêu cầu Công nhận Di chúc ngày 01-7-2016 được lập tại Văn phòng C để ông T được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để hưởng các tài sản theo di chúc là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất tại thửa đất số 2058, tờ bản đồ số 04, có diện tích 300 m^2 (theo đo đạc thực tế còn lại là 238,2 m^2). Theo đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 287,3 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 132,0 m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã T, huyện T (N là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất tại thửa đất số 2969, tờ bản đồ số 04, có diện tích 1.284,5 m^2 (theo đo đạc thực tế còn lại là 723,3 m^2). Theo đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 1.532,2m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 826,2 m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã T, huyện T (N là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Đồng thời, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bị đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Mỹ D và việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng các bị đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Mỹ D không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông Nguyễn Chanh T cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của ông Nguyễn Chanh T nên yêu cầu của ông Nguyễn Chanh T là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chanh T là có căn cứ nên chấp nhận. Công nhận Di chúc ngày 01-7-2016 được lập tại Văn phòng C theo số công chứng 465, quyển số 01/2016 TP/CC-SCC/HĐGD. Ông T được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để hưởng các tài sản theo di chúc là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản

trên đất tại thửa đất số 2058, tờ bản đồ số 04, có diện tích 300 m^2 (theo đo đạc thực tế còn lại là 238,2 m^2). Theo đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 287,3 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 132,0 m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã T, huyện T (N là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất tại thửa đất số 2969, tờ bản đồ số 04, có diện tích 1.284,5 m^2 (theo đo đạc thực tế còn lại là 723,3 m^2). Theo đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 1.532,2 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 826,2 m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã T, huyện T (N là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

[3] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn ông Nguyễn Chanh T phải có nghĩa vụ chịu án phí 300.000 đồng án phí, khấu trừ vào số tiền 7.923.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0000555 ngày 28-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Cũ) nên ông T được nhận lại số tiền 7.623.000 đồng.

Bà L, bà P, bà D không phải chịu án phí.

[4] Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí tố tụng khác:

Ông T tự nguyện chịu 3.527.000đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo Hóa đơn bán hàng số: 00000550 ngày 10-12-2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ; Phiếu chi tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp); Biên lai thu tiền phí, lệ phí điện tự số 0108309 ngày 10-11-2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ, do ông T đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo phiếu thu ngày 15-4-2024 và đã thanh toán xong nên không xem xét giải quyết.

Bà L, bà P, bà D không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí tố tụng khác.

[5] Nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản:

Ông T tự nguyện chịu là 7.500.000 đồng tiền chi phí định giá theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 99 ngày 17-3-2026, do ông T đã thanh toán xong nên không xem xét giải quyết.

Bà L, bà P, bà D không phải chịu chi phí định giá tài sản.

[6] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 271, 273 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 26, 27, 236, 237 của Luật đất đai năm 2024.

Căn cứ vào điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 624, 626, 630, 635 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Chanh T.

Công nhận Di chúc ngày 01-7-2016 được lập tại Văn phòng C theo số công chứng 465, quyển số 01/2016 TP/CC- SCC/HĐGD. Ông Nguyễn Chanh T được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để hưởng các tài sản theo di chúc là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất tại thửa đất số 2058, tờ bản đồ số 04, có diện tích 300 m^2 (theo đo đạc thực tế còn lại là 238,2 m^2). Theo đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 287,3 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 132,0 m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã T, huyện T (N là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất tại thửa đất số 2969, tờ bản đồ số 04, có diện tích 1.284,5 m^2 (theo đo đạc thực tế còn lại là 723,3m^2). Theo đo đạc thực tế tranh chấp có diện tích 1.532,2 m^2 (trong đó có đất hành lang an toàn giao thông đường bộ diện tích là 826,2 m^2), thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã T, huyện T (N là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

(Có biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp); Sơ đồ đo đạc ngày 14-5-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T (Nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XXIII kèm theo).

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Chanh T phải có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí, khấu trừ vào số tiền 7.923.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0000555 ngày 28-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Cũ) nên ông T được nhận lại số tiền 7.623.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Mỹ D không phải chịu án phí.

3. Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí tố tụng khác:

Ông Nguyễn Chanh T tự nguyện chịu 3.527.000 đồng (Ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo Hóa đơn bán hàng số: 00000550 ngày 10-12-2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ; Phiếu chi tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14-5-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp); Biên lai thu tiền phí, lệ phí điện tự số 0108309 ngày 10-11-2025 của Văn phòng

đăng ký đất đai tỉnh Đ, do ông Nguyễn Chanh T đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo phiếu thu ngày 15-4-2024 và đã thanh toán xong nên không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Mỹ D không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí tố tụng khác.

4. Nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản:

Ông Nguyễn Chanh T tự nguyện chịu là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí định giá theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 99 ngày 17-3-2026, do ông T đã thanh toán xong nên không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Mỹ D không phải chịu chi phí định giá tài sản.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 18-3-2026). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Hương